

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRUNG QUỐC

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Ngôn ngữ văn hóa Trung Quốc

2. Mã học phần: NNTQ 002

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ tư

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 giờ lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau các học phần Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	Phạm Thị Hồng Trang	0966.518.898	pthtrang@saodo.edu.vn
2	Nguyễn Quỳnh Hoa	0987833066	ntqhoa@saodo.edu.vn
3	Vũ Trọng Tuấn	0988735498	vttuan@saodo.edu.vn
4	Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Học phần Ngôn ngữ Hán và văn hóa Trung Quốc là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, thuộc khối kiến thức ngành chuyên sâu. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức tổng quát về ngôn ngữ Hán và nội hàm văn hóa mà nó chứa đựng. Nội dung học phần bao gồm các chuyên đề về các chủ đề như: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tiếng Hán hiện đại, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa và chữ Hán, ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các vấn đề giao thoa văn hóa, ...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Trang bị kiến thức chuyên sâu về ngôn	3	[1.2.1.2b]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	ngữ Hán và văn hóa Trung Quốc		
MT1.2	Nắm bắt được những khái niệm chuyên sâu như: Ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa, tính dân tộc, ...	3	[1.2.1.2b]
MT1.3	Kiến thức về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trên các bình diện: Chữ Hán, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, từ vựng và ngữ dụng.	3	[1.2.1.2b]
MT1.4	Nắm bắt được hiện tượng giao thoa văn hóa và một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa.	4	[1.2.1.2b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Có năng lực nhận thức về đa dạng văn hóa, tránh những xung đột văn hóa trong các tình huống giao tiếp.	4	[1.2.2.1]
MT2.2	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa.	4	[1.2.2.1]
MT2.4	Ứng dụng các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa vào hoạt động giảng dạy học phần Từ vựng, ngữ pháp, văn học Trung Quốc, ...	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Có năng lực tự nghiên cứu, thiết kế những chuyên đề liên quan đến văn hóa và ngôn ngữ.	3	[1.2.3.2]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Mức độ theo thang đo Bloom	Đáp ứng CĐR của CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Hiểu được các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Hán và văn hóa Trung Quốc	3	[2.1.4]
CĐR1.2	Nắm bắt và phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trên các bình diện: Chữ Hán, ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, tu từ và ngữ dụng.	3	
CĐR1.3	Nắm bắt và phân tích được hiện tượng giao thoa văn hóa và một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa.	4	
CĐR1.4	Diễn giải được các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc tới người khác	4	
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Vận dụng kiến thức trong học phần nâng cao nhận thức về đa dạng văn hóa, tránh những xung đột văn hóa trong các tình huống giao tiếp ngôn ngữ.	4	[2.2.4]
CĐR2.2	Có kỹ năng phân tích và làm rõ mối qua hệ giữa các đối tượng, đặc biệt là mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.	4	
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập cũng như năng lực làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	
CĐR3.4	Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ được giao.	3	

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CĐR1				CĐR2		CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
1	第一章 汉语言文化概说 1.1 语言与现代汉语 1.2 文化概念 1.3 中国文化的民族特点 1.4 语言与文化 1.5 对外汉语教学与文化	3				4	4	4	3	4	3
2	第二章 汉语词汇与文化 2.1 词义分类 2.2 词义与语境 2.3 汉语国俗词语 2.4 文化词语 2.5 新词新语与文化	3	3		4	4	4	4	3	4	3
3	第三章 汉语语法与文化 3.1 构词法与文化 3.2 句法与文化	3	3		4	4	4	4	3	4	3
4	第四章 汉语语音、文字与文化 4.1 汉语语音、文字	3	3		4	4	4	4	3	4	3

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CĐR1				CĐR2		CĐR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	4.2 汉语语音与文化 4.3 汉语文字与文化										
5	第五章 汉语修辞与文化 5.1 修辞概述 5.2 汉语修辞与文化	3	3		4	4	4	4	3	4	3
6	第六章 汉语语用与文化 6.1 语用言语交际概念界定 6.2 语用言语交际 6.3 公关语言的语用原则 6.4 汉语文化作用	3	3		4	4	4	4	3	4	3
7	第七章 跨文化交际 7.1 语言与交际 7.2 跨文化交际 7.3 产生交际障碍的诸多原因 7.4 跨文化交际中值得注意的问题 7.5 跨文化交际中的几种言语行为	3	3	4	4	4	4	4	3	4	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm kiểm tra thường xuyên	1 điểm	20%	- Đánh giá thái độ tham gia thảo luận. - Đánh giá bài tập cá nhân. - Đánh giá chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.4.	
3	Điểm thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Tự luận (90 phút).	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.4.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu chính:

[1]- Nguyễn Hữu Cầu (2004), *Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]- 万艺玲 (2000 年), *汉语词汇教程*, 北京语言大学出版社

[3]- Tôn Đức Kim (2002), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Trung Quốc*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hóa Bắc Kinh

Tài liệu tham khảo:

[4]- 徐宋才 (2011), *中国文化常识*, 北京语言大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>第一章 汉语言文化概说</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tiếng Hán hiện đại. - Nắm bắt và hiểu rõ khái niệm về văn hóa và văn hóa Trung Quốc, có sự so sánh với văn hóa phương tây. - Tính dân tộc trong văn học Trung Quốc. - Hiểu rõ, cụ thể mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, văn hóa và dạy học tiếng Hán cho người nước ngoài. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1 语言与现代汉语 1.2 文化概念 1.3 中国文化的民族特点 1.4 语言与文化 1.5 对外汉语教学与文化 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về đặc điểm văn hóa Trung Quốc. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và giải nghĩa từ mới xuất hiện trong bài. + Phân chia nhóm, hướng dẫn thảo luận nhóm với chủ đề: 中国文化的民族特点 Nhóm 1: 统一性 Nhóm 2: 连续性 Nhóm 3: 包容性 NHóm 4: 多样性 + Xây dựng hệ thống câu hỏi liên quan đến nội dung chương. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 42. [4]: Trang 115 - 141. + Lắng nghe, ghi chép, thảo luận nhóm. + Hoàn thành nhiệm vụ thảo luận nhóm được giao. 	CDR1.1, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			<ul style="list-style-type: none"> + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1] : Trang 42. 	
2	<p>第二章 汉语词汇与文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt hình thức phân loại nghĩa của từ. - Có khả năng phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa từ góc độ ngữ nghĩa. - Vận dụng kiến thức về mối quan hệ giữa nghĩa của từ và ngữ cảnh giao tiếp trong tình huống giao tiếp ngôn ngữ cụ thể. - Nắm bắt và vận dụng những từ cụm từ cố định như: thành ngữ, ngạn ngữ, tục ngữ, từ mới, từ ngoại lai, từ có nội hàm văn hóa vào trong tình huống giao tiếp cụ thể. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1 词义分类 2.2 词义与语境 2.3 汉语国俗词语 2.4 文化词语 2.5 新词新语与文化 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm, bản đồ tư duy</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, bản đồ tư duy giới thiệu khái quát mối quan hệ giữa văn hóa và từ vựng tiếng Hán. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, yêu cầu các nhóm sử dụng bút màu, giấy A1 xây dựng bản đồ tư duy với các nội dung sau: Nhóm 1: 词义分类 Nhóm 2: 词义与语境 Nhóm 3: 汉语国俗词语 Nhóm 4: 汉语国俗词语 Nhóm 5: 文化词语 + Thiết kế câu hỏi liên quan đến từng nhóm. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 42 - 96. [2] : Trang 129 - 185. + Giải thích được từ trọng điểm. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Các nhóm cử đại diện thuyết 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			trình sản phẩm “bản đồ tư duy”, các thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi giảng viên đưa ra. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 97.	
3	第三章 汉语语法与文化 Mục tiêu bài: - Nắm bắt mối quan hệ giữa văn hóa và cú pháp cấu tạo từ. - Nắm bắt m quan hệ giữa văn hóa và hình thức láy tính từ ABB. - Nắm bắt mối quan hệ giữa văn hóa và cú pháp câu. Từ đó vận dụng vào hoạt động giao tiếp ngôn ngữ cụ thể. Nội dung cụ thể: 3.1 构词法与文化 3.2 句法与文化	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm Giảng viên: + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, bản đồ tư duy giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ pháp tiếng Hán. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm. (1) 谈谈汉语构词法与文化之间的关系 (2) 谈谈汉语句法与文化之间的关系 + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 98 - 123. [3]: Trang 13 - 19; 56 - 60. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 124 - 128.	
4	<p>第四章 汉语语音、文字与文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt mối quan hệ giữa ngữ âm, văn tự và văn hóa. - Hiểu rõ tác dụng của chữ Hán trong nghiên cứu văn hóa Trung Quốc. - Nắm bắt các hiện tượng hài âm, vần luận trong tiếng Hán. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1 汉语语音、文字</p> <p>4.2 汉语语音与文化</p> <p>4.3 汉语文字与文化</p> <p>* Kiểm tra giữa học phần</p>	6 (4LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ âm, văn tự tiếng Hán. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm với hai chủ đề lớn: Nhóm 1: 汉语语音与文化 Nhóm 2: 汉语文字与文化 + Xây dựng nội dung câu hỏi cho từng nhóm. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 129 - 161. [2]: Trang 88 - 128. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong: 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			[1]: Trang 184 - 185. + Hoàn thành bài kiểm tra giữa học phần.	
5	<p>第五章 汉语修辞与文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt khái niệm “tu từ”. <p>Mối quan hệ giữa biện pháp nghệ thuật “tu từ” và ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và biện pháp tu từ trong tiếng Hán. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1 修辞概述</p> <p>5.2 汉语修辞与文化</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và biện pháp nghệ thuật tu từ. + Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới. + Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm. + Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước tài liệu: [1] : Trang 151 - 161. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong: [1] : Trang 162 - 166. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	<p>第六章: 汉语语用与文化</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ dụng. - Nắm bắt được các hình thức ngữ dụng trong giao tiếp ngôn ngữ. 	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng giáo án điện tử, tranh ảnh, video giới thiệu khái quát về mối quan hệ giữa văn hóa và ngữ dụng. 	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.4, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR3.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Nắm bắt nguyên tắc biểu đạt trong lĩnh vực ngoại giao.</p> <p>- Nắm bắt được chức năng của ký hiệu ngôn ngữ và các ký hiệu ngôn ngữ thường dùng. Ứng dụng trong quá trình nói và viết tiếng Trung Quốc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1 语用言语交际概念界定</p> <p>6.2 语用言语交际</p> <p>6.3 公关语言的语用原则</p> <p>6.4 汉语文化作用</p>		<p>+ Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nghĩa của từ mới.</p> <p>+ Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm với hai vấn đề:</p> <p>1. 汉语辞格与文化之间关系?</p> <p>2. 句法修辞包括那些内容?</p> <p>+ Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>- Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 167 - 183.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm.</p> <p>+ Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao.</p> <p>+ Phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên.</p> <p>+ Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 184 - 185.</p>	<p>CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
7	<p>第七章 跨文化交际</p> <p>Mục tiêu cụ thể:</p> <p>- Nắm bắt mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giao tiếp.</p> <p>- Hiểu rõ mối quan hệ giữa văn hóa và các lĩnh vực giao tiếp.</p> <p>- Nắm bắt nguyên nhân và hiện tượng xung đột ngôn ngữ.</p> <p>- Nắm bắt một số hành vi ngôn ngữ trong giao thoa văn hóa.</p> <p>- Vận dụng một số hành vi</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, đàm thoại</p> <p>Giảng viên:</p> <p>+ Giới thiệu khái quát về văn bản tác phẩm.</p> <p>+ Hướng dẫn SV đọc hiểu chú thích.</p> <p>+ Phân chia nhóm, giao chủ đề và hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình có sử dụng PowerPoint.</p> <p>+ Đánh giá, nhận xét bài thuyết trình của sinh viên.</p> <p>Sinh viên:</p> <p>- Đọc trước tài liệu:</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	ngôn ngữ như: 称谓、问候、寒暄、请求、提议、询问、道歉、告别、祝贺、回答, ... vào tình huống giao tiếp cụ thể, Nội dung cụ thể: 7.1 语言与交际 7.2 跨文化交际 7.3 产生交际障碍的诸多原因 7.4 跨文化交际中值得注意的问题 7.5 跨文化交际中的几种言语行为		[1]: Trang 186 - 220. [4]: Trang 221 - 248. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận nhóm. + Tích cực tham gia thảo luận với chủ đề được giao. + Các nhóm cử đại diện thuyết trình bài thảo luận. Thành viên trong nhóm trả lời câu hỏi của giảng viên và các nhóm khác đưa ra. + Tổng quan kiến thức trọng điểm đã học trong chương. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 221 - 223.	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đăng Tiến

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Hoa